

Bản án số: 19/2022/DSPT

Ngày: 26 - 4 - 2022.

V/v: Tranh chấp đất rừng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Với T1 phân hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Thẩm phán: Ông Ngô Sỹ Tiến và ông Nguyễn Đức Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn T PH Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 11/2021/TLPT-DS ngày 18/02/2021 về việc “Tranh chấp đất rừng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32a/2022/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 và *Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2022/TB-TA ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, giữa các đương sự:*

Nguyên đơn: Ông Phan Đình Đ, sinh năm 1962 - có mặt;

và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 - có mặt;

Địa chỉ: Xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Ông Trần Đình T, sinh năm 1960 - có mặt;

và bà Thái Thị C, sinh năm 1977 – vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm T1 Công, xã T Đức, huyện T CH, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thái T C: Ông Trần Đình T, sinh năm 1960. Địa chỉ: xóm T1 Công, xã T Đức, huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phan T Mai L, sinh năm 1998 – vắng mặt;

- Anh Phan Đình T1, sinh năm 2000 – vắng mặt;

- Anh Phan Đình V, sinh năm 2000 – vắng mặt;

- Chị Phan Thị Thu Tr, sinh năm 1995 – vắng mặt;

- Chị Phan Thị M, sinh năm 1992 – vắng mặt;

Đều trú tại: Xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan T Mai L, anh Phan Đình T1, anh Phan Đình V, chị Phan T Thu Tr, chị Phan T M: Ông Phan Đình Đ, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê T Kim Soa - Văn phòng luật sư Lê Trần - Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: 103, Đ Nguyễn du, phường Trung Đô, T1 phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về đất đai*” của Tòa án nhân dân huyện T CH, vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Phan Đình Đ, bà Nguyễn T H và người được những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan T Mai L, Phan T M, chị Phan T Thu Tr, anh Phan Đình V và anh Phan Đình T1 ủy quyền tham gia tố tụng trình bày như sau:

Thực hiện chủ trương của nhà nước về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình. Vào năm 2006 gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H được giao sử dụng các thửa đất lâm nghiệp tại xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An với mục đích sử dụng trồng cây lâm nghiệp. Cụ thể như sau:

Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 thuộc khu vực núi Ba Sườn, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An, diện tích được cấp là 20.674m² mang tên hộ ông Phan Đình Đ và Nguyễn T H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 647698 cấp vào ngày 27 tháng 6 năm 2006. Nguồn gốc thửa đất là do gia đình nhận chuyển nhượng của ông Trần Đình Ba, trú tại xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3, khu vực núi Khe Vàng, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An với diện tích 85.004m² mà gia đình nhận chuyển nhượng từ ông Phan Đăng Định, địa chỉ: Xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An, hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Đình Đ và Nguyễn T H số AE 647685 vào ngày 27 tháng 6 năm 2006.

Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 03, tại khu vực núi Ba Sườn, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An, diện tích 20.670m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn T H số BQ 275040 cấp ngày 01 tháng 8 năm 2013. Nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Cảnh Tiệp, địa chỉ: Xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Vào năm 2015 gia đình ông Đ tiến hành sản xuất trên các thửa đất này thì phát hiện các thửa đất đã bị ông Trần Đình T và bà Thái T C lấn chiếm một phần cụ thể như sau:

Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3 đã bị ông Trần Đình T và bà Thái T C lấn chiếm 6.268m². Hiện nay phần diện tích đất bị lấn chiếm gia đình ông Trần Đình T và bà Thái T C đã trồng keo hơn 2 năm tuổi.

Thửa đất số 51, tờ bản đồ số 3 đã bị ông Trần Đình T và Thái T C lấn chiếm 8.424m². Hiện nay trên phần đất này ông Trần Đình T và bà Thái T C đã trồng keo hơn 2 năm tuổi.

Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3 đã bị ông Trần Đình T và bà Thái T C lấn chiếm 10.343m², hiện nay ông Trần Đình T và bà Thái T C đã trồng chè và một số cây keo.

Nay ông Đ và bà H đề nghị Tòa án buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm. Còn các cây đã trồng ông đề nghị được tiếp tục sử dụng và sẽ trả lại phần giá trị cây cho ông Trần Đình T và bà Thái T C.

Bị đơn là ông Trần Đình T và cũng là người được bị đơn bà Thái T C ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Các thửa đất số 46, thửa đất số 51 và thửa đất số 38 tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An đang tranh chấp mà ông Đ và bà H yêu cầu ông trả lại phần diện tích trên ông và bà không nhất trí bởi:

Nguồn gốc các thửa đất mà ông Phan Đình Đ đã nhận chuyển nhượng của những người khác vào năm 2006, khi nhận chuyển nhượng thì bản thân ông đã đào hào làm ranh giới tiếp giáp với thửa đất của ông. Khi ông Đ và bà H nhận chuyển nhượng thì bản thân ông không ký vào tiếp giáp ranh giới.

Ý kiến của Luật sư người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166 Bộ luật dân sự, các Điều 100, Điều 102 và Điều 103 Luật đất đai. Buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H phần đất đã lấn chiếm tại các thửa 38, 46 và 51, tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An và giao lại toàn bộ phần diện tích cây đã trồng trên thửa đất đó cho ông Đ, bà H. Ông Đ và bà H có nghĩa vụ T toán toàn bộ giá trị cây trồng cho ông Trần Đình T và bà Thái T C.

Với nội dung trên bản án dân sự sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai. Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H;

Buộc ông Trần Đình T, bà Thái T C trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H và các đồng sử dụng diện tích đất 29.682m². Cụ thể như sau: Trả lại 8.428m² tại thửa số 51 tờ bản đồ số 3, khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An, trả lại 14.821m² tại thửa đất số 38 khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An và trả lại 6.473m² đất tại thửa số 46 khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An (Có sơ đồ kèm theo).

Giao cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H được quyền sử dụng số cây keo đã trồng trên diện tích 6.268m² tại thửa số 46, tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Giao cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H được quyền sử dụng số cây keo đã trồng trên diện tích 8.424m² tại thửa số 51, tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Giao cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H được quyền sử dụng số cây keo đã trồng trên diện tích 6.108m² và diện tích chè đã trồng 8.713m² tại thửa số 38, tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Buộc ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H T toán cho ông Trần Đình T và bà Thái T C giá trị cây trên 3 thửa đã trồng với tổng số tiền là: 105.365.000 đồng.

Kỷ phần: Ông Phan Đình Đ phải chịu 52.682.500 đồng.

Bà Nguyễn T H phải chịu 52.682.500 đồng.

Về án phí, chi phí định giá và thẩm định:

Buộc ông Trần Đình T và Thái T C phải trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H số tiền chi phí thẩm định là : 8.530.000 đồng.

Kỷ phần: Ông Trần Đình T: 4.265.000 đồng.

Bà Thái T C: 4.265.000 đồng

Buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C phải chịu 5.268.250 đồng án phí nhận giá trị cây trồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kỷ phần: Ông Trần Đình T: 2.784.125 đồng.

Bà Thái T C: 2.784.125 đồng

Trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H, số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng số 0001532 ngày 18/4/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 14/12/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 về tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Bản án đã có nhiều sai sót như giải quyết vụ án không đúng quy định của pháp luật; quyết định của bản án sơ thẩm có nhiều mâu thuẫn, gây khó khăn cho việc thi hành án; vi phạm về chi phí, án phí tố tụng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 15/12/2020 ông Trần Đình T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 về tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An với lý do gia đình ông đã sử dụng diện tích đất đó trước khi ông Đ và bà H nhận chuyển nhượng của người khác. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ và bà H.

Ngày 11 và ngày 18 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận được đơn kháng cáo quá hạn của ông Trần Đình T và bà Nguyễn T C. Về nội dung kháng cáo không có nội dung gì khác đơn kháng cáo mà ông T đã nộp vào ngày 15/12/2020 nên Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu của ông Trần Đình T. Ngày 08/4/2021 ông Trần Đình T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn T C làm đơn xin rút nội dung kháng cáo của bà C với lý do nội dung kháng cáo đó đã được ông T đã kháng cáo. Xét thấy việc rút yêu cầu kháng cáo của bà C là có căn cứ và không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự, bà C không cung

cấp lý do kháng cáo quá hạn và rút đơn kháng cáo được Tòa án chấp nhận và ra Thông báo trả lại đơn kháng cáo cho bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Đình T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Nguyên đơn không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của ông Trần Đình T làm trong hạn luật định, nội dung và hình thức đơn phù hợp quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T. Sửa bản án sơ thẩm như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ các Điều 74, 308, 309, 313 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Trần Đình T. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H.

Buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C trả lại cho hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H diện tích đất 25.204m². Cụ thể như sau: Trả lại diện tích 8.424m² đất và 169m² diện tích mặt nước tại thửa số 51 tờ bản đồ số 3, khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An; trả lại diện tích 10.343m² đất tại thửa đất số 38 khu vực núi Khe Vàng, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An và trả lại 6.268m² đất tại thửa số 46 khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Ông Trần Đình T và bà Thái T C phải giao lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H quyền sở hữu số cây keo đã trồng trên diện tích 6.268m² tại thửa đất số 46; số keo đã trồng trên diện tích 8.424m² tại thửa số 51; số keo đã trồng trên diện tích 6.108m² và số chè đã trồng trên diện tích đất 4.235m² tại thửa số 38, tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H có nghĩa vụ giao lại cho ông Trần Đình T và bà Thái T C giá trị cây keo và cây chè trên 3 thửa đã trồng với tổng số tiền là: 83.575.000 đồng.

Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Đình T và Thái T C phải trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H số tiền chi phí thẩm định là : 7.230.738 đồng.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Đình T là người cao tuổi.

Buộc bà Thái T C phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H phải nộp 4.178.750 đồng án phí dân sự. Được trừ 1.877.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp còn phải nộp 2.301.750 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo ngày 15/12/2020 của ông Trần Đình T làm trong hạn luật định, nội dung và hình thức đơn phù hợp quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH trong hạn luật định và đúng thẩm quyền.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H từ năm 2006 đến nay có 06 khẩu gồm ông Phan Đình Đ, Nguyễn T H và 04 người con gồm chị Phan T Mai L, sinh năm 1998, anh Phan Đình T1, sinh năm 2000, anh Phan Đình V, sinh năm 2000 và chị Phan T Thu Tr, sinh năm 1995 đề đưa vào tham gia tố tụng là đầy đủ và có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét nguồn gốc các thửa đất có tranh chấp: Thửa đất số 46, tờ bản đồ số 3, diện tích 20.674m², địa chỉ thửa đất: Núi Ba Sườn, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 647698 vào ngày 27 tháng 6 năm 2006 cho hộ ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H nguồn gốc giao đất là nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo ông Đ và bà H nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Đình Ba trú tại xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 3, diện tích 85.004m² tại khu vực núi xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 647685 vào ngày 27 tháng 6 năm 2006, nguồn gốc giao đất là nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Theo ông Đ và bà H nguồn gốc đất do nhận chuyển nhượng đất của ông Phan Đăng Định, địa chỉ: Xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Năm 2013 hộ bà Nguyễn T H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Cảnh Tiệp, trú tại xóm 1, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An thửa đất số 51, tờ bản đồ số 3, diện tích là 20.670m² đã được Ủy ban nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 275040 ngày 01 tháng 8 năm 2013.

Như vậy các thửa đất 46, 38 được UBND huyện T CH, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H năm 2006; thửa đất số 51 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn T H năm 2013 đến nay không có ai tranh chấp, không bị thu hồi. Bản án sơ thẩm đã nhận định hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H có quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 38, thửa đất số 46, thửa đất số 51, điều tờ bản đồ số 3 tại xã H L, huyện T CH là có căn cứ và hợp pháp.

2.2. Xét kháng cáo của ông Trần Đình T:

Ông T cho rằng năm 1997 ông được Nhà nước giao đất, giao rừng do ông Lê Hồng Tư, nguyên là xóm trưởng xóm 1, xã H L, huyện T CH và ông Nguyễn Xuân Hồng, nguyên là cán bộ lâm sinh xã H L trực tiếp giao đất. Sau khi được giao đất ông đã trồng dặm tre, mét, bạch đàn... và khoanh nuôi bảo vệ rừng. Năm 2000 ông đã rào dây thép gai và đào hào bằng thủ công giữa các ranh giới liền kề. Năm 2003 ông tiến hành cho máy đào hào trước sự chứng kiến của kiểm lâm xã là ông Trần Ngọc Thắng và ông sử dụng ổn định cho đến nay không có ai tranh chấp. Ông T cho rằng nếu ông có lấn chiếm thì các chủ rừng cũ mới có quyền khởi kiện. Ông Đ nhận chuyển nhượng đất của các hộ liền kề với thửa đất số 44 của ông lúc nào thì ông không biết, ông chưa khi nào ký vào biên bản giáp ranh các hộ liền kề nên không có cơ sở cho rằng ông đã lấn chiếm đất. Ngoài ra ông T cho rằng ông Đ nói ông lấn chiếm đất từ năm 2013 là không có cơ sở. Vì, năm 2002 ông đã trồng rừng trên diện tích đất đó có gây cháy rừng nên bị UBND xã H L xử phạt hành C và giao cho gia đình ông phải bảo vệ trồng lại rừng, trả lại hiện trạng rừng. Nhưng, ông T không cung cấp tài liệu có căn cứ và hợp pháp để chứng minh, ông chỉ cung cấp giấy xin xác nhận của một số cán bộ thời kỳ năm 2002 nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, không rõ vị trí cháy rừng ở đâu. Bản án sơ thẩm đã nhận định các thửa đất số 38, 46 và 51 thuộc tờ bản đồ số 3, địa chỉ các thửa đất tại xã H L, huyện T CH thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H là C xác, đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Đình T.

Về nội dung kháng cáo việc ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3 tại xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Hiện nay Tòa án nhân dân huyện T CH đang thụ lý và giải quyết việc tranh chấp thửa đất số 44 nói trên bằng một vụ án khác. Việc tranh chấp tại thửa đất số 44 không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét kháng cáo về nội dung ghi trong bản án là tại buổi hòa giải các bên đã nhất trí giá cả đền bù là không đúng. Qua kiểm tra biên bản hòa giải ngày 11/6/2020 các bên đã thống nhất về giá trị đất và tài sản trên đất như bản án sơ thẩm đã nhận định là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm ông cũng không yêu cầu định giá lại. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của ông Trần Đình T.

Về kháng cáo cho rằng người khởi kiện phải là người chủ có rừng, ông Phan Đình Đ không có quyền khởi kiện. Xét thấy ông Đ và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp, nay quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Đ và bà H bị xâm phạm nên có quyền khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

Về kháng cáo ông Đ nhận chuyển nhượng đất từ lúc nào ông không biết, ông cũng không ký giáp ranh, nội dung kháng cáo này đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân tích, đánh giá. Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện việc phân tích, đánh giá chứng cứ và nhận định của Tòa án là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo này của ông Trần Đình T.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Đình T không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới. Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Trần Đình T.

Về phần tài sản như cá ông T đã thả chủ yếu tại đập nước nằm trong thửa đất số 44, tờ bản đồ số 3, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An; phần diện tích 169m² mặt nước tại thửa số 51 là phần nước dâng lên. Hiện nay Tòa án nhân dân huyện T CH đang giải quyết vụ án tranh chấp đất thửa số 44. Do đó ông Đ và bà H với ông T thống nhất sẽ giải quyết trong vụ án tại thửa số 44 mà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên miễn xét.

2.3. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

- Kháng nghị về nội dung giải quyết vụ án không đúng quy định pháp luật và nội dung Quyết định của bản án sơ thẩm có nhiều mâu thuẫn, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T CH và trích lục và đo vẽ bổ sung bản đồ địa C khu đất ngày 28/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện T CH. Biên bản hòa giải ngày 11/6/2020 giữa các đương sự thì trên thửa đất số 51 có diện tích đất bị lấn chiếm đã trồng keo gồm 1.555m² keo + 6.869m² keo = 8.424m² keo x 30.000.000 đồng/ha = 25.272.000 đồng. Nhưng, bản án sơ thẩm nhận định đối với thửa đất số 51 có giá trị keo trồng trên đất là 8.224m² x 30.000.000 đồng = 24.672.000 đồng là không C xác. Mặt khác, bản án sơ thẩm tuyên nguyên đơn được quyền sử dụng diện tích keo 8.424m² trên thửa đất số 51. nhưng lại buộc nguyên đơn phải trả cho bị đơn số tiền 24.672.000 đồng tương đương diện tích keo 8.224m² là không có cơ sở, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn;

Thửa đất số 38 xác định diện tích đất trồng chè gồm 896m² + 3339m² = 4.235m². Nhưng phần ghi chú của sơ đồ kèm theo và bản án đã tuyên đều thể hiện phần diện tích trồng chè trên thửa đất số 38 là 8.713m² là chưa C xác.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H và các đồng sử dụng diện tích đất 29.682m², cụ thể: Trả lại 8.428m² tại thửa đất số 51 tờ bản đồ số 3 khu vực núi Ba Sườn, xã H L,

huyện T CH, tỉnh Nghệ An; Trả lại 14.021m² tại thửa đất số 38 khu vực núi Ba Sườn xã Hanh Lâm, huyện T CH, tỉnh Nghệ An và trả lại 6.473m² đất tại thửa đất số 46 khu vực núi Ba Sườn Xã Hanh Lâm, huyện T CH, tỉnh Nghệ An là chưa C xác. Mặt khác, bản án sơ thẩm tuyên buộc ông T, bà C phải trả cho ông Đ, bà H 8.428m² đất tại thửa số 51 nhưng lại giao cho ông Đ, bà H được quyền sử dụng số cây keo đã trồng trên diện tích 8.424m² tại thửa số 51 là mâu thuẫn. Xét nội dung kháng nghị nói trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm.

- Kháng nghị về nội dung: Vi phạm về chi phí, án phí tố tụng.

Trên cơ sở đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của ông Đ, ngày 14/7/2020 Tòa án đã tiến hành lập biên bản tạm thu chi phí thẩm định với số tiền 10.000.000 đồng. Hóa đơn bán hàng ngày 30/9/2020 thể hiện Tòa án đã quyết toán chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 7.230.738 đồng. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên buộc ông T, bà C có nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định tại chỗ nhưng lại với số tiền 8.530.000 đồng là không phù hợp với số tiền được quyết toán tại hóa đơn và không quyết định trả lại số tiền còn thừa cho ông Đ, bà H là không phù hợp với quy định, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét nội dung kháng nghị nêu trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH là có căn cứ. Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 10.000.000 đồng, đã chi phí hết 7.230.738 đồng, yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền này. Số tiền còn lại nguyên đơn đã được Tòa án huyện T CH trả lại nên ông không yêu cầu. Do đó chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C phải trả lại cho nguyên đơn 7.230.738 đồng.

Xét nội dung kháng nghị bản án sơ thẩm đã áp dụng tính án phí không có giá ngạch đối với tranh chấp quyền sử dụng đất nói trên là không đúng quy định. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, trong vụ án này các đương sự tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai. Do đó bản án sơ thẩm đã buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch là phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14. Vì vậy không chấp nhận kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Về nội dung kháng nghị theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006771 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T CH ông Phan Đình Đ đã nộp 1.877.000 đồng, nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên "trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H số tiền tạm ứng án phí 300,000 đồng đã nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng số 0001532 ngày 18/4/2019" là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là đúng. Do đó chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm.

Như vậy, bản án dân sự sơ thẩm số 47/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An đã có nhiều sai sót, đây là lỗi cấu tạo do chủ quan, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH là có căn cứ. Các sai sót của bản án sơ thẩm cấp phúc thẩm có thể khắc phục được. Do đó chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

[3] Về án phí: Về phần phải giao lại giá trị tài sản trên đất được xem là yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn có nghĩa vụ phải giao lại giá trị của cây keo và cây chè trồng trên đất. Đây là yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Ông Trần Đình T, sinh năm 1960 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do ông là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm. Bà Thái T C phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm = 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 74, 308, 309, 313 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Trần Đình T. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và Điều 203 Luật Đất đai. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H.

Buộc ông Trần Đình T và bà Thái T C trả lại cho hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H diện tích đất 25.204m². Cụ thể như sau: Trả lại diện tích 8.424m² đất và 169m² diện tích mặt nước tại thửa số 51 tờ bản đồ số 3, khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An; trả lại diện tích 10.343m² đất tại thửa đất số 38 khu vực núi Khe Vàng, xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An và trả lại 6.268m² đất tại thửa số 46 khu vực núi Ba Sườn xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An. Hộ gia đình ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H được nhận diện tích 25.204m² đất do ông Trần Đình T và bà Thái T C giao lại, cụ thể tại các thửa như trên (Có sơ đồ kèm theo).

Ông Trần Đình T và bà Thái T C phải giao lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H quyền sở hữu số cây keo đã trồng trên diện tích 6.268m² tại thửa đất số 46; số keo đã trồng trên diện tích 8.424m² tại thửa số 51; số keo đã trồng trên

diện tích 6.108m² và số chè đã trồng trên diện tích đất 4.235m² tại thửa số 38, tờ bản đồ số 3 xã H L, huyện T CH, tỉnh Nghệ An.

Ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H có nghĩa vụ giao lại cho ông Trần Đình T và bà Thái T C giá trị cây keo và cây chè trên 3 thửa đã trồng với tổng số tiền là: 83.575.000 đồng.

Về Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Trần Đình T và Thái T C phải trả lại cho ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H số tiền chi phí thẩm định là: 7.230.738 đồng.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Đình T là người cao tuổi.

Buộc bà Thái T C phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Đình Đ và bà Nguyễn T H phải nộp 4.178.750 đồng án phí dân sự. Được trừ 1.877.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng số 0001532 ngày 18/4/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T CH, tỉnh Nghệ An, còn phải nộp 2.301.750 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các nội dung của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện T CH;
- TAND huyện T CH;
- Chi cục THADS H.T CH;
- Các đương sự;
- UBND xã H L;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Anh Sơn

